



Supported by:



Federal Ministry for the
Environment, Nature Conservation
and Nuclear Safety

based on a decision of the Parliament
of the Federal Republic of Germany

A photograph of a man and a woman in traditional Vietnamese clothing. The man is on the left, wearing a blue and black patterned vest over a white shirt, holding a wooden staff with a large, flat, dark object (possibly a traditional tool or instrument) on his shoulder. The woman is on the right, wearing a black top with colorful striped patterns and a black skirt with yellow and red patterns. She is holding a green and white thermos and pointing towards the right. They are both smiling and looking towards the right. The background is a bright, sunny outdoor setting with green foliage.

REDD+ và Nông nghiệp không mất rừng tại Việt Nam



REDD+ và Nông nghiệp

Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) là một sáng kiến chính sách quốc tế được hình thành thông qua các cuộc đàm phán quốc tế theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), với mục tiêu cung cấp các khuyến khích tài chính dựa trên kết quả cho các nước đang phát triển thực hiện các hành động giảm phát thải từ đất có rừng, đồng thời đầu tư vào các kênh phát thải thấp để phát triển bền vững.

Khá nhiều nước đang phát triển đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc chuẩn bị "sẵn sàng" cho REDD+ thông qua việc xác định các chiến lược/Kế hoạch hành động REDD+ cấp quốc gia nhằm giải quyết các nguyên nhân chính của nạn mất rừng và suy thoái rừng cũng như thúc đẩy bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững. Trong nhiều năm qua, các quốc gia này cũng đã xây dựng năng lực quốc gia để thực hiện các chính sách và biện pháp liên quan, triển khai các hệ thống giám sát rừng và để đo lường, báo cáo và xác minh việc giảm phát thải. Nhiều nước trong số các quốc gia này đã xác định REDD+ là một chiến lược chủ chốt để giảm thiểu biến đổi khí hậu trong các Đóng góp do quốc gia tự quyết định, nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ở nhiều quốc gia này, đặc biệt là ở Đông Nam Á, mở rộng đất nông nghiệp là một nguyên nhân chính của nạn mất rừng và suy thoái rừng, và

do đó là nhân tố làm tăng phát thải khí nhà kính. Phần lớn sự mở rộng này bị chi phối bởi nhu cầu của thị trường về các mặt hàng chính như dầu cọ, cao su, cà phê, ca cao và nuôi trồng thủy sản. Với nhu cầu về các sản phẩm nông nghiệp dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong những thập kỷ tới, áp lực lên rừng có thể sẽ tiếp tục tăng lên.

Để có thể thực hiện thành công REDD+ và quá trình chuyển đổi sang các lộ trình phát triển/sử dụng đất phát thải thấp, nhất thiết phải tăng năng suất nông nghiệp nhưng không được tiếp tục gây mất rừng. Điều này đòi hỏi phải có các biện pháp tiếp cận trực tiếp thu hút các doanh nghiệp nông nghiệp. Ngày càng nhiều công ty và chính phủ các nước đang thực hiện các cam kết chung để cùng nhau thúc đẩy một nền nông nghiệp bền vững và không mất rừng.

Ấn phẩm này là một sản phẩm của Dự án “Cà phê Nông-Lâm kết hợp và tăng cường chất lượng rừng cho REDD+ ở tỉnh Lâm Đồng” (Dự án Café REDD) được tài trợ bởi Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn hạt nhân (BMU) của Liên bang Đức. Dự án do Tổ chức Phát triển Hà Lan SNV tổ chức thực hiện tại khu vực Tây nguyên của Việt Nam.

Tài liệu này tóm tắt các phương pháp tiếp cận thực tiễn mới nhất từ các dự án cảnh quan được tài trợ bởi BMU và do Tổ chức SNV thực hiện trong nỗ lực triển khai một trong những chính sách và biện pháp REDD+ được khẳng định là quan trọng nhất của Việt Nam – giải quyết mất rừng và suy thoái rừng tại các cảnh quan giàu các-bon rừng bằng cách thúc đẩy nông nghiệp bền vững và không mất rừng.





REDD+ và Nông nghiệp ở Việt Nam

Việt Nam thể hiện sự quan tâm đến REDD+ ngay từ giai đoạn đầu. Sau nhiều thập kỷ thực hiện các chương trình trồng lại rừng từ ngân sách nhà nước, Việt Nam bắt đầu tìm hiểu vốn tài trợ mới từ cả nguồn trong nước và quốc tế để duy trì các nỗ lực bảo tồn và phục hồi rừng. Với sự hỗ trợ quốc tế từ Chương trình UN-REDD, Quỹ đối tác các-bon (FCPF) của Ngân hàng Thế giới (WB) cũng như nhiều nhà tài trợ song phương khác (đặc biệt là từ CHLB Đức, Nhật và Mỹ), Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một 'quốc gia nòng cốt' về REDD+ trong khu vực.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phát triển Chương trình hành động REDD+ quốc gia (NRAP) vào năm 2012. Chương trình ban đầu này chủ yếu tập trung vào các hành động nhằm xây dựng thể chế cho cơ chế REDD+ cấp quốc gia. Khi đó, các chính sách và biện pháp chiến lược cụ thể để thực sự đạt được các mục tiêu của REDD+ còn ít được nhắc đến. Năm 2016, Chương trình hành động REDD+ quốc gia đã được đánh giá và sửa đổi lại dựa trên phân tích các nguyên nhân chính gây ra mất rừng và xác định việc mở rộng đất canh

tác nông nghiệp là một nguyên nhân chính.

Câu chuyện thành công về phát triển kinh tế - xã hội đáng chú ý của Việt Nam trong 30 năm qua phần lớn là do nền kinh tế mở cửa đối với các thị trường toàn cầu. Ngày nay, Việt Nam là một cường quốc nông nghiệp toàn cầu và là nhà xuất khẩu hàng đầu (mười nước hàng đầu) của nhiều mặt hàng nông sản quan trọng, bao gồm gạo, tôm, cà phê, trà, cao su, hạt tiêu, các loại hạt và gia vị khác. Nông dân sản xuất nhỏ trên cả nước đều tham gia cung cấp cho các thị trường này. Khi dân số tăng lên và cơ sở hạ tầng phát triển, đất rừng bị chuyển đổi nhanh chóng.

Do đó, mở rộng đất nông nghiệp trở thành một nguyên nhân trực tiếp chính của mất rừng. Trong khi đó, sản xuất nông sản hàng hóa cũng đã đẩy nông nghiệp tự cung tự cấp đến nơi đất rừng khó canh tác. Như vậy, mở rộng đất nông nghiệp cho thị trường hàng hóa đồng thời cũng là một nguyên nhân gián tiếp gây ra suy thoái rừng.

Để giải quyết vấn đề này, Chương

trình hành động REDD+ quốc gia mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2017 đưa ra cách tiếp cận đa ngành, xác định rõ hai chính sách và biện pháp chiến lược quan trọng, đó là quy hoạch sử dụng đất tích hợp và thúc đẩy nông nghiệp bền vững và không mất rừng. NRAP thẳng thắn công nhận rằng để đạt được các mục tiêu của ngành lâm nghiệp và chống biến đổi khí hậu cần thu hút sự tham gia của các chủ thể chính trong ngành nông nghiệp cũng như hợp tác với họ để đạt được sự cân bằng giữa mở rộng đất nông nghiệp để thâm canh với bảo tồn và phục hồi rừng.

REDD+ được nhấn mạnh là một chiến lược chính cấp quốc gia nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong danh sách các Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (2017). Nhưng cũng cần nhìn nhận rằng trong nhiều trường hợp, ngoài các lợi ích lớn hơn về mặt xã hội, bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững cũng như duy trì các dịch vụ hệ sinh thái mà các hoạt động này đem lại, nó còn mang đến các đồng lợi ích đáng kể liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là khi Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất của biến đổi khí hậu. Ví dụ, rừng ở vùng cao đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn, giảm xói mòn đất và điều tiết dòng chảy thủy văn cho người sử dụng ở hạ lưu, trong khi rừng ngập mặn và rừng ven biển rất cần để có thể bảo vệ bờ biển ngày càng bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng cao, xâm nhập mặn và bão nhiệt đới.

Hơn nữa, việc chuyển đổi sang nông nghiệp bền vững hơn cũng được

hỗ trợ bởi các chính sách quốc gia như Đề án nhà nước về “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp” (2014) nhằm định hướng lại các phân ngành nông nghiệp của Việt Nam, hướng tới các thị trường xuất khẩu có giá trị cao hơn ưu tiên chất lượng hơn số lượng. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU vừa ký gần đây đã chứng minh định hướng này rõ hơn, đồng thời cũng cho thấy nhu cầu cần thay đổi. Trong khi đó, chính thị trường nội địa rộng lớn và ngày càng khó tính của Việt Nam cũng có những quan tâm tương tự về vấn đề an toàn thực phẩm và tính bền vững.

Do đó, những doanh nghiệp lớn ngày càng quan tâm nhiều hơn đến chất lượng và tính bền vững của sản xuất nông nghiệp, còn khung chính sách thuận lợi của chính phủ trở nên ngày càng hữu ích. Tuy nhiên, mục tiêu ‘ngăn chặn mất rừng để sản xuất nông nghiệp’ và ‘bền vững’ vẫn còn là một thách thức lớn. Tổ chức SNV đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam chuẩn bị sẵn sàng cho REDD+ và tích cực thu hút doanh nghiệp nông nghiệp tham gia thúc đẩy nông nghiệp mang tính xã hội – toàn diện, thông minh thích ứng với khí hậu và bền vững ở nhiều nơi trong số các cảnh quan rừng trọng điểm và chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nhất của Việt Nam. Tài liệu này cung cấp những bài học kinh nghiệm mới nhất từ các sáng kiến do Tổ chức Sáng kiến Khí hậu Quốc tế IKI (BMU) tài trợ và Tổ chức SNV thực hiện tại Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long nhằm làm sáng tỏ cách tiếp cận, triển khai trong thực tế các chính sách và biện pháp chính của NRAP liên quan đến nông nghiệp bền vững và không mất rừng.

Từ chính sách đến thực hiện: Các yếu tố chính

Kinh nghiệm cho đến nay về việc thúc đẩy nông nghiệp bền vững và không mất rừng ở Việt Nam và các nơi khác cho thấy đây là một vấn đề vô cùng thách thức. Các phương pháp tiếp cận phải đa ngành và đa diện – đòi hỏi sự cam kết và nỗ lực to lớn của nhiều cơ quan công quyền, các thực thể khác nhau trong khu vực tư nhân, cũng như sự tham gia của các cộng đồng, các nhà sản xuất và các tổ chức xã hội dân sự – và cần được triển khai quy mô lớn. Trong quá trình nỗ lực hiện thực hóa nông nghiệp bền vững và không mất rừng hướng tới đạt được các mục tiêu REDD+ và sử dụng đất phát thải thấp ở Việt Nam, Tổ chức SNV đã tìm ra các yếu tố chính sau:

- 1. Hiểu rõ cảnh quan và thay đổi biện pháp thực hiện**
- 2. Quan hệ đối tác công – tư**
- 3. Sự tham gia của khu vực tư nhân trong các chuỗi cung ứng không gây mất rừng**
- 4. Quản lý thích ứng và hợp tác trên khu vực đan xen sản xuất nông nghiệp với rừng**
- 5. Hỗ trợ nông hộ chuyển đổi sang nông nghiệp bền vững**
- 6. Tận dụng nguồn vốn**





Phương pháp tiếp cận cảnh quan

Phương pháp tiếp cận cảnh quan cung cấp một khung hướng dẫn chung cho những nỗ lực thúc đẩy nông nghiệp không mất rừng.

Thuật ngữ 'cảnh quan' trong hầu hết các ngôn ngữ (bao gồm cả tiếng Việt) được định nghĩa một cách khá mơ hồ và có thể diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Thay cho một định nghĩa chính xác, có thể xác định một số yếu tố chung nhất định trong hầu hết các định nghĩa về *phương pháp tiếp cận cảnh quan*:

- **Có quy mô và diện tích đủ lớn**, ví dụ: một khu rừng đầu nguồn, lưu vực sông, huyện/tỉnh (có thể là khu vực tài phán) hoặc vùng sinh thái nông nghiệp, bao gồm...
- **Có các loại hình sử dụng đất và các chức năng đa dạng, tương tác và cạnh tranh lẫn nhau** (nông nghiệp, lâm nghiệp, dân cư, cơ sở hạ tầng), trong...

- **Có ranh giới rõ ràng với các đặc điểm chung về tự nhiên, sinh thái, xã hội, kinh tế, chính trị**

Tuy nhiên, một khi đã thống nhất vùng can thiệp, quan trọng là phải hiểu rõ và công nhận các quy trình xây dựng và thực hiện giải pháp thay vì định nghĩa "cảnh quan" một cách chính xác. Do vậy, Phương pháp tiếp cận cảnh quan đặc trưng bởi 10 nguyên tắc cốt lõi (theo Công ước về Đa dạng sinh học, 2010) về cách tích hợp sản xuất nông nghiệp và bảo tồn và phục hồi rừng ở quy mô 'cảnh quan' – trong đó bao gồm: hoạt động trên các quy mô khác nhau, khuyến khích sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan và quản lý thích ứng (xem thêm tất cả 10 nguyên tắc cốt lõi). Phương pháp tiếp cận cảnh quan là mẫu chốt của Nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu (theo FAO, 2016). Những nguyên tắc trên đều được phản ánh trong các bài học và phương pháp tiếp cận rút ra từ các hoạt động của Tổ chức SNV và tổng hợp trong tài liệu này.

10 nguyên tắc cốt lõi của Phương pháp tiếp cận cạnh quan





Hiểu rõ cảnh quan và thay đổi tập quán

Để thực hiện thành công REDD+ và chuyển đổi sang sử dụng đất phát thải thấp, cần đưa ra các quyết định để đàm phán thỏa hiệp giữa các kịch bản khác nhau và thay đổi hành vi/tập quán của các bên liên quan khác nhau sống trong cảnh quan đó.

Điều này chỉ có thể thực hiện được khi có thông tin chính xác và nhận thức chung về các quá trình thay đổi sử dụng đất phức tạp và biến hóa trong quá khứ, hiện tại và có thể xảy ra trong tương lai. Cần có

sự hiểu biết thấu đáo về cảnh quan để có thể hướng dẫn các biện pháp can thiệp nhằm thúc đẩy thâm canh nông nghiệp bền vững và/hoặc tránh mất rừng. Tổ chức SNV có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện đánh giá quy mô cảnh quan cũng như quy hoạch cấp tỉnh để sử dụng đất phát thải thấp/tăng trưởng xanh và REDD+. Biểu đồ dưới đây phác thảo một quy trình thực hành tốt do Tổ chức SNV xây dựng để lập kế hoạch REDD+ cấp tỉnh tại Việt Nam.

Chuẩn bị

- Xây dựng diễn đàn có nhiều bên tham gia để phân tích và quy hoạch cảnh quan
- Thành lập Tổ công tác kỹ thuật
- Kế hoạch thu hút sự tham gia của các bên liên quan
- Thu thập số liệu

Đánh giá và Phân tích

- Xu hướng sử dụng đất và độ che phủ rừng trong quá khứ và tương lai (phân tích không gian địa lý)
- Nguyên nhân trực tiếp và tiềm ẩn gây mất rừng
- Rào cản đối với bảo tồn rừng hiệu quả, quản lý bền vững và phục hồi rừng
- Thiết kế cảnh quan

Lập kế hoạch

- Xây dựng các giải pháp
- Cảnh nhắc rủi ro và các đồng lợi ích về môi trường và xã hội
- Xác định các nguồn tài trợ và chiến lược tài chính

Giám sát và Đánh giá

- Giám sát hoạt động
- Giám sát rừng
- Giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn môi trường và xã hội

Hoàn thiện

- Tham vấn lần cuối
- Thẩm định
- Hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất/cảnh quan bền vững
- Phê duyệt bởi cơ quan chức năng

Mặc dù có thể hiểu chung rằng sự thay đổi của độ che phủ rừng và mục đích sử dụng đất có thể là kết quả của việc mở rộng một loại hàng hóa cụ thể, nhưng cần phải hiểu rõ nơi xảy ra sự thay đổi và các lý do chi tiết, tiềm ẩn tại sao sự thay đổi lại xảy ra tại thời điểm đó và tại nơi đó.

Tổ chức SNV có chuyên môn riêng về đánh giá các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng, các rào cản đối với bảo tồn rừng, quản lý bền vững và phục hồi rừng tại nhiều vùng địa lý và trong nhiều bối cảnh kinh tế - xã hội khác nhau trên khắp đất nước Việt Nam. Những 'đánh giá nguyên nhân' này tận dụng và kết hợp nhiều loại thông tin khác nhau để thiết kế cảnh quan. Tài liệu này sẽ được xác minh lại thông qua các quá trình tham vấn với nhiều bên liên quan.

Các bản thuyết minh cảnh quan đem đến hiểu biết chung về tình hình thực tế và là cơ sở để xây dựng các kế hoạch cảnh quan hoặc các kế hoạch thường thuộc quyền tài phán (tỉnh/huyện). Ở Việt Nam, Tổ chức SNV đã hỗ trợ xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cho 6 tỉnh trong cả nước¹. Các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh xác định các hành động thiết thực hoặc các chính sách và biện pháp (PaM) để giải quyết mất rừng, suy thoái rừng và thúc đẩy bảo tồn, quản lý bền vững và phục hồi rừng và cảnh quan. Vì nông nghiệp thường được coi là một trong những nguyên nhân chính của mất

rừng và suy thoái rừng, có nhiều hoạt động hướng tới thúc đẩy nông nghiệp bền vững hoặc không gây mất rừng và ngăn chặn mở rộng diện tích nông nghiệp - thay đổi hoạt động kinh doanh so với thông lệ.

Phương pháp tiếp cận cảnh quan được thực hiện ngày càng nhiều thông qua quan hệ đối tác công - tư (PPPs) và thường có thể thu hút các chủ thể chính của khu vực tư nhân như các công ty mua hàng tham gia vào giám sát chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc.



¹ Tỉnh Lâm Đồng (tài trợ bởi BMU/IKI và USAID), tỉnh Cà Mau (tài trợ bởi BMU/IKI và phối hợp với UN-REDD), tỉnh Bình Thuận (tài trợ bởi UN-REDD), tỉnh Quảng Nam (tài trợ bởi USAID), tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa (tài trợ bởi BMU/IKI và phối hợp với FCPF).

Quan hệ đối tác công – tư

Cho đến gần đây, Phương pháp tiếp cận cảnh quan phần lớn được xây dựng và triển khai bởi các tổ chức phi chính phủ thông qua các dự án phối hợp với chính quyền địa phương, cộng đồng và các tổ chức dân sự - xã hội địa phương. Các đơn vị thuộc khu vực tư nhân thường bị loại ra khỏi các sáng kiến này, hoặc vì họ không nhìn cơ hội kinh doanh, hoặc vì những người thực hiện không biết cách thu hút doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Tuy nhiên, tình trạng này đã thay đổi đáng kể trong những năm gần đây. Một mặt, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp lớn như các công ty thu mua hàng hóa quốc tế ngày càng quan tâm đến nơi sản xuất ra sản phẩm mà họ thu mua cũng như ảnh hưởng của họ với môi trường & xã hội. Họ đã đưa ra các cam kết tham vọng về nguồn cung ứng không gây mất rừng và vẫn đang nỗ lực đáng kể để thực thi các tiêu chuẩn trong chuỗi cung ứng của họ. Mặt khác, các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ cũng ngày càng nhận thức được tầm ảnh hưởng của các chủ thể thuộc khu vực tư nhân đối với kết quả sử dụng đất và cảnh quan, và nhu cầu thiết yếu phải thu hút các bên này để đạt được các mục tiêu về khí hậu và bền vững (trong đó bao gồm REDD+).

Tổ chức SNV là một tổ chức quốc tế hàng đầu tham gia thúc đẩy các phương pháp tiếp cận định hướng thị trường trong nông nghiệp và phát triển nông thôn trong nhiều thập kỷ

qua. Bên cạnh đó, ở nhiều quốc gia nơi chúng tôi hoạt động, đặc biệt là ở Việt Nam, chuyên môn vững chắc và thành tích trong quá khứ trong công tác bảo tồn, phục hồi tài nguyên rừng/tài nguyên thiên nhiên và REDD+ giúp bổ sung, củng cố phương pháp. Khi các chương trình nghị sự và lợi ích về khí hậu và tính bền vững hội tụ, chúng tôi được giao vai trò đặc biệt là thúc đẩy quan hệ đối tác nhiều bên liên quan giữa các cơ quan chính quyền địa phương và doanh nghiệp nông nghiệp. Một điểm đặc trưng chính trong phương pháp tiếp cận của Tổ chức SNV là nhấn mạnh vào các chuỗi giá trị toàn diện và mở rộng cho các chủ sở hữu nhỏ tham gia vào các quan hệ đối tác công – tư.

Trong khi khái niệm Quan hệ đối tác công – tư vì cảnh quan bền vững còn tương đối mới thì một số sáng kiến của Tổ chức SNV trong hợp tác với khu vực tư nhân thông qua chuỗi cung ứng của họ tại các cảnh quan khí hậu ưu tiên đã bắt đầu cho thấy những kết quả khả quan. Nghiên cứu tình huống Dự án MAM trong tài liệu này minh họa cách một dự án thích ứng với khí hậu dựa trên hệ sinh thái được tài trợ bởi IKI trợ đã tạo ra các đồng lợi ích giảm thiểu các-bon



(REDD+) một cách hiệu quả thông qua việc hoạt động dựa trên các lợi ích chung: của khu vực công trong bảo tồn và phục hồi rừng ngập mặn và của khu vực tư nhân trong phát triển một thương hiệu tôm hữu cơ mới có giá trị cao (cũng như các giá trị xã hội và môi trường của chính doanh nghiệp đó), đồng thời giải quyết nhu cầu sinh kế của những hộ nuôi tôm nhỏ lẻ dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam.

Dự án Café REDD của Tổ chức SNV tại khu vực Tây Nguyên, Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các đối tác phát triển khác nhau, bao gồm Tổ chức IDH (Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững) và Tổ chức UNDP, trong việc phát triển cách tiếp cận Quan hệ hợp tác công – tư (PPP) cho một huyện,

nơi là khu vực chính cung ứng cà phê Arabica, đồng thời là một cảnh quan ưu tiên bảo tồn. Chính quyền huyện, các công ty thu mua cà phê chủ chốt, các doanh nghiệp nông nghiệp khác và các đối tác phát triển đã ký một Thỏa thuận Bảo vệ, Sản xuất và An sinh (PPI), trong đó tất cả các bên liên quan đều cam kết thực hiện quyền tài phán không gây mất rừng. Tổ chức SNV hợp tác với các công ty khác nhau trong chuỗi giá trị cà phê Arabica, từ những công ty thu mua quốc tế lớn đến các công ty chuyên biệt nhỏ hơn và các nhà rang xay cà phê đặc sản. Mặc dù tất cả các công ty đều tham gia vào PPP, nhưng với mỗi công ty sẽ có những Biên bản ghi nhớ MOU phù hợp được thiết kế riêng nhằm kết nối quan tâm và lợi ích của dự án và doanh nghiệp.

Mở rộng quy mô Thích ứng dựa trên hệ sinh thái rừng ngập mặn (EbA) ở đồng bằng sông Cửu Long (Dự án MAM)

Dự án MAM được thực hiện qua 02 giai đoạn (2012-2020) được tài trợ bởi BMU/IKI. Dự án hỗ trợ Thích ứng dựa trên hệ sinh thái rừng ngập mặn thông qua bảo tồn & phục hồi rừng ngập mặn và tăng cường sinh kế và khả năng phục hồi của hộ nuôi tôm nhỏ lẻ ở đồng bằng sông Cửu Long. Dự án MAM đã thành công giảm tỷ lệ mất rừng và thúc đẩy phục hồi hệ sinh thái bằng cách:

- Hợp tác với các công ty lớn chế biến tôm và thông qua chuỗi giá trị của họ để phát triển mô hình kinh doanh bền vững cho tôm được chứng nhận hữu cơ (Naturland), yêu cầu trang trại phải có ít nhất 50% diện tích là rừng ngập mặn.
- Tập huấn cho hơn 5.500 nông dân (3.200 được cấp chứng nhận) về sản xuất tôm hữu cơ bền vững, nhờ vào đó, cải thiện sinh kế thông qua cải tiến cách thức thực hiện và liên kết chuỗi giá trị.
- Hợp tác với khu vực công để xây dựng và thí điểm chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) trong thủy sản. 15,500 ha rừng ngập mặn đã được bảo tồn với tỷ lệ mất rừng giảm; 80 ha rừng ngập mặn được phục hồi.

Sự tham gia của khu vực tư nhân vào Chuỗi cung ứng bền vững và không gây mất rừng

Khi áp dụng Phương pháp tiếp cận cảnh quan, chúng tôi làm việc trên một quy mô có xu hướng tương ứng với chuỗi cung ứng của các công ty thu mua hàng hóa lớn, điều sẽ cho khởi điểm tốt trong hợp tác với khu vực tư nhân. Thông thường, các nhà sản xuất cũng có cùng những hạn chế và cơ hội ở quy mô này.

Như đã nói ở trên, nhiều công ty thu mua hàng hóa quốc tế lớn đang ngày càng quan tâm đến chuỗi cung ứng của họ và cần chứng minh rằng họ hoạt động bền vững và không gây mất rừng. Nhiều công ty cũng đã cam kết trách nhiệm xã hội hoặc doanh nghiệp bền vững. Từ góc độ REDD+, điều này tạo ra mối quan tâm chung một cách tự nhiên.

Các công ty có thể bị thu hút và được hưởng lợi từ hồ sơ công khai

mà qua đó họ có thể mở rộng nguồn cung ứng; hoặc các đơn vị thực hiện REDD+ có thể giúp tập hợp nông dân, hỗ trợ chi phí đào tạo và chi phí đầu vào, giúp cải thiện biện pháp quản lý trang trại và chất lượng của sản phẩm. Bằng cách hợp tác với các công ty và thông qua chuỗi cung ứng của họ, để có thể đạt được sự thay đổi dài hạn khi dự án đã kết thúc.

Trong bối cảnh Dự án MAM, đầu vào quan trọng với khu vực tư nhân là sự hợp tác với Công ty Minh Phú - Công ty chế biến tôm lớn nhất của Việt Nam, để khởi động một thị trường mới cho tôm hữu cơ với yêu cầu rừng ngập mặn che phủ ít nhất 50% diện tích của trang trại nuôi tôm (cũng như áp dụng thực hành các biện pháp bền vững môi trường



khác). Dự án đã áp dụng một cách tiếp cận toàn diện là làm việc với từng tác nhân trong chuỗi giá trị để cải thiện tập quán của họ và đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận hữu cơ - trại giống để cải thiện thực hành nuôi giống tôm; tập hợp và hỗ trợ các hộ nuôi tôm nhỏ để cải thiện phương thức quản lý, trồng lại rừng ngập mặn; làm việc với các nhà buôn sỉ để cải thiện phương thức lưu trữ; và với các công ty chế biến để tiếp cận thị trường tôm hữu cơ/bền vững. Quan trọng là tôm hữu cơ nuôi trong rừng ngập mặn không mắc phải các dịch bệnh mới, cũng không gặp phải các cú sốc về giá. Công ty Minh Phú nhận thấy rõ cơ hội kinh doanh để mở rộng thương hiệu tôm hữu cơ rừng ngập mặn của họ. Cuối cùng, sự phát triển đầy đủ của chuỗi giá trị có nghĩa là đang có một mô hình kinh doanh khả thi để duy trì và phục hồi rừng ngập mặn trên toàn cảnh quan vùng đồng bằng sông Cửu Long ven biển.



Tăng cường các mắt xích liên kết



Sự tham gia của khu vực tư nhân từ đầu đến cuối trong chuỗi giá trị tôm

Trong trường hợp của Café REDD, Dự án đang hỗ trợ giới thiệu và áp dụng Terra-i, một hệ thống giám sát vệ tinh phát hiện các biến động lớp phủ bề mặt phát sinh do các hoạt động của con người 'gần thời gian thực'; hệ thống này cung cấp thông tin cập nhật 16 ngày một lần. Các cơ quan liên quan sẽ được đào tạo cách sử dụng dữ liệu để xác định các điểm nóng mất rừng và lập kế hoạch & thực hiện các chiến lược bảo vệ rừng để đối phó lại (bao gồm sử dụng thiết bị bay không người lái). Các công ty cà phê cũng có thể tiếp cận số liệu này và đối chiếu với dữ liệu của chính họ về nguồn cung ứng. Điều này cho phép họ đánh giá và quản lý rủi ro của việc tìm nguồn cung từ các hộ nông dân hoặc thôn bản nơi xảy ra nạn mất rừng, hoặc chứng minh với khách hàng rằng kho cung ứng họ không gây mất rừng.

Mặc dù Terra-i là một công cụ hữu ích để giám sát độ che phủ của rừng và lớp phủ bề mặt cũng như xác định liệu có bất kỳ trang trại cà phê nào có thể phá hỏng chuỗi cung ứng hay không, nhưng Terra-i không phải là một hệ thống hoàn chỉnh truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng. Hiện nay, Dự án đang đánh giá tính khả thi của các công cụ khác nhau về truy xuất nguồn gốc và tính minh bạch; các công cụ này sẽ cho phép theo dõi hành trình từ trang trại đến tách cà phê. Trong đó, bao gồm các lựa chọn sau:

1. Liên kết tốt hơn việc giám sát mất rừng 'gần thời gian thực' này với cơ sở dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc mà các công ty thương mại lớn hơn và các tổ chức chứng nhận vẫn duy trì.

2. Hỗ trợ các công ty vừa và nhỏ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc của riêng họ.
3. Khởi xướng một hệ thống bao tiêu toàn huyện để hỗ trợ toàn bộ hoạt động sản xuất Arabica, gồm mạng lưới >40 thương nhân đóng vai trò là người thu gom cấp thôn thu mua hầu hết sản lượng cà phê.

Mặc dù việc thiết lập các hệ thống như vậy rất phức tạp vì nhiều lý do như số lượng nhà sản xuất và doanh nghiệp hoạt động trong hệ thống nhưng khi thực hiện thành công một hệ thống sẽ giúp xây dựng danh tiếng và thương hiệu cà phê Arabica từ cảnh quan độc đáo này. Mối quan tâm của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm gia tăng cả ở Việt Nam và khắp Châu Á nên một số nhà phát triển công nghệ đã thiết kế các hệ thống và hoạt động hỗ trợ truy xuất nguồn gốc từ đầu tới cuối nhằm quản lý dữ liệu và minh bạch thông tin thông qua chuỗi cung ứng. Số hóa dữ liệu thông qua chuỗi cung ứng tạo cơ hội thực thi minh bạch và sử dụng tính minh bạch đó để nâng cao giá trị của sản phẩm cà phê không gây mất rừng của huyện Lạc Dương.





Quản lý Thích ứng & Hợp tác trên khu vực đan xen sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp

Khi khu vực công xây dựng năng lực thể chế và khả năng sử dụng công nghệ để giám sát rừng và thực thi pháp luật, và khu vực tư nhân có thể xác định nguồn gốc sản phẩm với độ chính xác ngày càng cao thì các nông hộ ở khu vực đan xen sản xuất nông-lâm nghiệp sẽ gặp áp lực đáng kể:

1. Một là thường có xung đột giữa các loại hình sử dụng đất chính thức, ví dụ như khu bảo tồn/rừng phòng hộ và các tập quán hoặc truyền thống sử dụng đất (thường tồn tại trước ngày có quyết định chính thức). Tình trạng này thường thấy ở các cộng đồng dân tộc thiểu số vùng cao Việt Nam.
2. Hai là dân số ngày càng tăng, sự nhập cư và động lực sử dụng đất ở vùng nông thôn (ví dụ: mở rộng đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và đầu cơ đất đai) có thể dẫn đến những hạn chế đối với quỹ đất sản xuất nông nghiệp có sẵn, và phân nhỏ lô đất thành các mảnh không đủ lớn để có thể tạo ra nguồn thu nhập đầy đủ.
3. Ba là nhiều nông dân vừa nghèo, vừa cực kỳ dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu như người dân trồng cà phê ở khu vực Tây Nguyên từng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hạn hán năm 2016.

Cả ba yếu tố này (và các yếu tố khác), có thể tạo ra hoặc dẫn đến những tình huống mà các hộ sản xuất nhỏ có thể bị đẩy vào khu đất khó canh tác ở trong/xung quanh rừng. Để đạt được các kết quả cảnh quan rừng bền vững, thay vì đổ lỗi gây mất rừng cho người nông dân dân tộc thiểu số vùng cao thì, chúng ta cần có cái nhìn tổng quan về sự phức tạp ở khu vực đan xen sản xuất nông-lâm nghiệp này và phải cố gắng giải quyết vấn đề thông qua cách tiếp cận quản lý hợp tác và có sự tham gia nhiều bên nhằm thu hút và tôn trọng sự tham gia của cộng đồng nông thôn. Yêu cầu này cũng được đặt ra với các sáng kiến REDD+, thể hiện qua việc giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn trong Thỏa thuận Cancun của UNFCCC bên

cạnh các biện pháp đảm bảo an toàn môi trường và xã hội của bất kỳ cơ quan tài trợ nào có liên quan, ví dụ Quỹ Đối tác các-bon rừng (FCPF), Quỹ Khí hậu xanh (GCF) hoặc Tổ chức Sáng kiến Khí hậu Quốc tế (IKI).

Quản lý Thích ứng và Hợp tác bao gồm các mặt sau:

- Đánh giá các điều kiện kinh tế - xã hội, tập quán sử dụng đất/tài nguyên thiên nhiên, luật tục địa phương và xác định các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với cộng đồng địa phương và các nhóm dân tộc thiểu số.
- Thiết lập các khung đồng quản lý giữa ban quản lý rừng, chính quyền địa phương và cộng đồng (bao gồm cả quản lý truyền thống).
- Lập bản đồ có sự tham gia, lập kế hoạch sử dụng đất thôn bản có sự tham gia, và đàm phán về các quyền lợi, trách nhiệm cũng như các thỏa thuận chia sẻ lợi ích được xác định theo không gian.
- Tham vấn dựa trên nguyên tắc Tự nguyện, Trước và Được thông tin đầy đủ (FPIC) để nhận sự hỗ trợ rộng rãi của cộng đồng đối với các biện pháp can thiệp của REDD+, các thỏa thuận sử dụng đất, lợi ích, quyền lợi và trách nhiệm.
- Xây dựng các cơ chế giải quyết khiếu nại rõ ràng (GRM) để đảm bảo các cộng đồng có quyền đưa ra các vấn đề và giải quyết chúng thông qua các thể chế phù hợp.
- Tổ chức các cuộc họp đồng quản lý định kỳ để giải quyết các mối quan tâm, bất bình và tái khẳng định hỗ trợ rộng rãi của cộng đồng.

Điều quan trọng là phải đảm bảo sự tham gia của phụ nữ và người dân tộc thiểu số vào các khía cạnh trên và trong các quy trình đồng quản lý có các điều khoản hỗ trợ liên quan (sử dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số, thời gian họp, tập hợp nhóm có sự tham gia của phụ nữ v.v...).

Quan hệ đối tác công – tư đối với Cảnh quan rừng bền vững tại Lâm Đồng (Dự án Café REDD)

Dự án Café REDD (2018-2021) được tài trợ bởi BMU/IKI nhằm hỗ trợ thực hiện các Chính sách và Biện pháp (PaMs) chính của Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia về nông nghiệp không gây mất rừng trong cảnh quan rừng ưu tiên bị đe dọa bởi việc mở rộng sản xuất cà phê ở Tây Nguyên. Để đạt được mục tiêu, Dự án có 03 hợp phần chính:

- Tăng cường năng lực thể chế về quản trị cảnh quan: thành lập Quan hệ đối tác công - tư; Quy hoạch sử dụng đất tích hợp; Đồng quản lý và bảo vệ rừng.
- Thu hút khu vực tư nhân tham gia các mô hình kinh doanh nông nghiệp toàn diện và không gây mất rừng: xây dựng Năng lực kinh doanh toàn diện, Hệ thống giám sát và truy xuất nguồn gốc.
- Hỗ trợ các hộ sản xuất nhỏ chuyển đổi sang nông lâm kết hợp cà phê và giải pháp sinh kế thay thế: thành lập các Nhóm/hợp tác xã nông dân; Mô hình nông lâm kết hợp; các Lựa chọn sinh kế trang trại ngoài rừng; Tiếp cận tín dụng.

Hỗ trợ các hộ sản xuất nhỏ chuyển sang nông nghiệp bền vững

Như đã nói ở trên, các hộ nông dân sản xuất nhỏ ở khu vực đan xen sản xuất giữa đất nông - lâm nghiệp thường nghèo, họ cố gắng kiếm sống trên các vùng đất khó canh tác và cực kỳ dễ bị tổn thương trước cả biến động giá cả hàng hóa và biến đổi khí hậu. Xây dựng cảnh quan bền vững sẽ thực sự đòi hỏi những nỗ lực bù đắp và hỗ trợ các hộ sản xuất nhỏ để chuyển đổi sang các sinh kế có khả năng phục hồi và sinh lợi cao hơn.

Một trong những sản phẩm cốt lõi của Tổ chức SNV trong lĩnh vực nông nghiệp là phát triển chuỗi giá trị toàn diện bao gồm các yếu tố sau:

- Tiến hành phân tích chuỗi giá trị để xác định các cơ hội và mối đe dọa thị trường cụ thể
- Củng cố hợp tác xã và các doanh nghiệp vừa & nhỏ nhằm giúp họ cơ cấu và tổ chức tốt hơn để có thể tiếp cận thị trường, dịch vụ, tín dụng, đào tạo – tập huấn v.v...
- Hợp tác với các công ty và trung tâm khuyến nông xây dựng năng lực cho người nông dân để cải thiện phương pháp quản lý trang trại của họ, hướng tới các tiêu chuẩn và chứng nhận bền vững.

Khởi động các thị trường dành cho hộ nông dân sản xuất nhỏ, ví dụ: các sản phẩm nông nghiệp mới (sản phẩm được sản xuất bền vững, sản phẩm chế biến)

- Xây dựng và củng cố chuỗi giá trị thông qua phát triển mối liên kết, xây dựng năng lực và niềm tin

cũng như hỗ trợ phát triển các mô hình cung cấp dịch vụ

Dự án MAM là một chứng minh cho việc áp dụng phương pháp tiếp cận toàn bộ chuỗi giá trị của tôm chứng nhận hữu cơ ở đồng bằng sông Cửu Long. Dự án Café REDD hiện đang ở giai đoạn khởi đầu nhưng các phân tích về chuỗi giá trị cho thấy có cơ hội phát triển chuỗi giá trị toàn diện và thông minh thích ứng với khí hậu có giá trị cao cho giống cà phê đặc sản Arabica cũng như các loài cây trồng xen theo mô hình nông lâm kết hợp như hồng và mắc-ca (các loài cây sẽ đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng độ che phủ của cây trong trang trại).

Nhìn vào tình hình biến động về sử dụng đất cũng như quá trình thay đổi xã hội nhanh chóng ở Việt Nam, ngày càng cần phải xem xét các lựa chọn sinh kế thay thế khác ngoài việc canh tác trong rừng, đặc biệt là với các đối tượng thanh niên. Trong đó, có thể bao gồm phát triển du lịch sinh thái/trang trại và các kỹ năng nghề nghiệp liên quan, hoặc cây trồng có giá trị cao hơn trên các diện tích nhỏ hơn nằm gần khu dân cư, ví dụ: trồng nấm hoặc atisô.



Tận dụng vốn

Trong nhiều trường hợp, việc chuyển đổi sang các mô hình kinh doanh nông nghiệp bền vững hơn đòi hỏi nguồn tài chính ban đầu hoặc các quỹ bổ sung để khiến mô hình có tính khả thi. Ví dụ, chuyển đổi từ trồng thuần cà phê sang trồng xen các loài cây ăn quả cây để che bóng cho cà phê thì cần đầu tư vào cây giống và sản lượng cà phê sẽ giảm trong 3-5 năm trong khi cây ăn quả vẫn chưa cho thu hoạch. Thông thường cũng cần đầu tư vào chuỗi giá trị để phát triển kinh doanh, doanh nghiệp địa phương đối với dịch vụ nông nghiệp và mua sắm công nghệ v.v... Tổ chức SNV xác định các cơ hội để đảm bảo vốn tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau - công cộng và tư nhân - hướng tới kết quả sử dụng đất bền vững.

Ngân sách của chính quyền trung ương và tỉnh, hỗ trợ phát triển của nước ngoài và các quỹ khí hậu (ví dụ: Tổ chức IKI và Quỹ Khí hậu xanh) là những nguồn tài trợ rõ ràng cho REDD+, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững. Tuy nhiên, do nguồn tài chính công bị hạn chế, Tổ chức SNV đặt mục tiêu tận dụng những gì có sẵn, thúc đẩy đầu tư từ những nguồn khác, đặc biệt là từ khu vực tư nhân. Tổ chức SNV thường thu hút các nhà cung cấp tài chính và làm việc với các công ty để họ có thể tiếp cận vốn, tiến tới mở rộng các hoạt động thông minh thích ứng với khí hậu của họ. Chúng tôi thường thực hiện điều này thông qua việc quản lý mô hình Tăng tốc khởi nghiệp và Vườn ươm khởi nghiệp (làm việc với các công ty để chuyển đổi, hướng đến thực hành kinh doanh bền vững và

toàn diện hơn). Việc các công ty và người nông dân cùng đầu tư là điều kiện cần đối với cơ chế này và được sử dụng để thúc đẩy nguồn vốn tư nhân cho các mô hình kinh doanh bền vững hơn.

Dự án Café REDD đã tiến hành điều tra cơ bản sinh kế, kinh tế trang trại và phân tích chuỗi giá trị. Trong đó, có phân tích tình trạng vay nợ (mức độ cao) của người nông dân dân tộc thiểu số trồng cà phê Arabica, với lãi suất hơn 40% một năm từ những nhà cho vay không chính thức. Dự án sẽ thực hiện tiếp các nghiên cứu tiếp cận tài chính để xác định các giải pháp cho phép người nông dân đầu tư vào nông lâm kết hợp, trồng xen canh và chuyển sang sản xuất bền vững có giá trị cao hơn và thông qua đó nhằm khôi phục lại cảnh quan, đồng thời giúp họ quản lý các nguồn thu nhập có thể bị giảm và các rủi ro khi thực hiện chuyển đổi. Giống như với dự án tôm hữu cơ, đa dạng hóa sinh kế là một chiến lược phục hồi quan trọng: cà phê Arabica giá trị cao được sản xuất bền vững kết hợp với cây ăn quả giá trị cao có thể mang đến một mô hình kinh doanh khả thi và bền vững, đặc biệt là khi giá cà phê toàn cầu hiện nay rất thấp. Tuy nhiên, vốn là chìa khóa để hiện thực quá trình chuyển đổi đó. Tại Việt Nam, nhờ vào các chính sách mới của Ngân hàng Nhà nước về tài chính xanh, chúng ta có thêm những khả năng tiếp cận nguồn vốn mới.

Quỹ Chi trả dịch vụ môi trường (PES) có thể cung cấp các ưu đãi tài chính quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các lộ trình phát triển sử dụng đất phát thải thấp. Ví dụ, trong Dự án MAM, Tổ chức SNV đã giúp xây dựng và thí điểm Chi trả dịch vụ môi

trường rừng (PFES) trong nuôi trồng thủy sản, sử dụng 5,34 tỷ đồng trong 3 năm của các công ty và các hộ nuôi tôm nhỏ lẻ để duy trì hơn 50% độ che phủ diện tích rừng ngập mặn trong các trang trại của họ. Mặc dù đây là số tiền tương đối khiêm tốn², nhưng chi trả PFES có thể giúp bù đắp chi phí cơ hội cho các hộ sản xuất nhỏ và chính thức hóa cam kết của cả hai bên để đảm bảo các kết quả tốt hơn cho môi trường. Tương tự, ở Lâm Đồng, người nông dân trong cảnh quan của Dự án Café REDD nhận được khoản thanh toán PFES đáng kể từ thủy điện.

Bản thân REDD+ hướng tới cung cấp các khoản chi trả dựa trên kết quả thực hiện. Do đó, tài chính các-bon cũng có thể được thêm vào các nguồn hỗn hợp. Có thể thực hiện dưới dạng REDD+ theo dự án. Những thay đổi chính sách gần đây của Việt Nam có thể tạo ra khả năng này trong tương lai gần. Ngoài ra, các Chi trả dựa trên kết quả thực hiện ở cấp quốc gia hoặc địa phương (ví dụ: từ Quỹ Khí hậu xanh GCF hoặc Quỹ Đối tác các-bon rừng FCPF) cũng là một nguồn hiện có và có thể mở rộng, mặc dù hiện tại không rõ thu nhập đó sẽ được phân phối tiếp như thế nào ở cấp địa phương. Cuối cùng, các Chi trả dựa trên kết quả thực hiện cấp quốc gia có thể kích thích đầu tư trả trước vào nông nghiệp bền vững và không mất rừng ở các vùng hoặc khu vực tài sản sinh thái nông nghiệp quan trọng, đặc biệt là các khu vực đang

hoạt động tốt từ góc độ bền vững. Ý tưởng ban đầu của REDD+ là chi trả dựa trên kết quả thực hiện sẽ đem đến những ưu đãi tài chính có ảnh hưởng đến các quyết định sử dụng đất (tích cực về mặt sinh thái và khí hậu). Trên thực tế, cần có các hình thức tài chính khác nhau cho các mục đích khác nhau, ở các giai đoạn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi cảnh quan.



2 500.000 VNĐ/ha/năm, với trang trại có diện tích điển hình 4-5ha trong huyện.

Liên hệ

Richard McNally: Điều phối viên toàn cầu về Biến đổi khí hậu và Phát triển dự án (làm việc tại văn phòng Việt Nam), rmcnally@snv.org

Richard Rastall: Quản lý Chương trình Nông nghiệp, SNV Việt Nam, rrastall@snv.org

Lý Thị Minh Hải: Chuyên gia cao cấp về Cảnh quan rừng và Biến đổi khí hậu; Quản lý Dự án “Thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn để nhận được chi trả từ REDD+” (Dự án IKI Safeguards), hlythiminh@snv.org

William Mcfarland: Chuyên gia quốc tế về Biến đổi khí hậu và Phát triển dự án (làm việc tại văn phòng Việt Nam), wmcfarland@snv.org

Nguyễn Thị Bích Thủy: Quản lý Dự án “Phục hồi rừng ngập mặn dựa vào nuôi tôm bền vững và giảm phát thải” (Dự án MAM), tnguyenthibich@snv.org

Phạm Thành Nam: Quản lý Dự án “Cà phê Nông-Lâm kết hợp và tăng cường chất lượng rừng cho REDD+ ở tỉnh Lâm Đồng” (Dự án Café REDD), nphamthanh@snv.org

SNV
